

Quỹ Đầu tư Trái phiếu
Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt
từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 9
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	10
Báo cáo kiểm toán độc lập	11 - 12
Báo cáo thu nhập	13
Báo cáo tình hình tài chính	14 - 15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	16
Báo cáo danh mục đầu tư	17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	18 - 19
Thuyết minh báo cáo tài chính	20 - 63

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bản Việt) ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 20 tháng 2 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 12.566.188,87 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 125.661.888.700 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 62.243.097.800 đồng, tương đương với 6.224.309,78 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 2 năm 2025, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022
Bà Phan Thị Hồng Lan	Thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Pho Hop, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt) ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Minh Hoàng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bản Việt) ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 20 tháng 2 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ tăng 6,00% so với ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 71.443.851.520 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 6.224.309,78 chứng chỉ quỹ

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định; giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 đồng. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.
- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định).
- Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

<i>Cơ cấu tài sản quỹ</i>	<i>Ngày 31/12/2024 (%)</i>	<i>Ngày 31/12/2023 (%)</i>	<i>Ngày 31/12/2022 (%)</i>
Danh mục chứng khoán	95,89	65,51	33,00
Tài sản khác	4,11	34,49	67,00
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	71.443.851.520	164.329.780.895	152.190.430.191
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	6.224.309,78	15.175.967,08	15.056.943,98
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	11.478,19	10.828,29	10.107,65
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11.497,16	10.828,29	10.107,65
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.761,70	10.108,99	9.972,38
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	6,00	7,13	1,08
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá)	(97,27)	(545,28)	Không áp dụng
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	103,27	552,41	Không áp dụng
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,59	1,56	1,75
14	Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	0,43	0,31	1,45

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Trong năm, Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	6,00	6,00
Từ khi thành lập	14,78	6,24

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)	Từ khi thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
Tổng tăng trưởng / 1 đơn vị CCQ	6,00	7,13	1,08

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Sản xuất công nghiệp

Năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 8,4% so với năm trước (năm 2023 tăng 1,3%), là mức tăng cao nhất kể từ năm 2020 đến nay. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6% (năm 2023 tăng 1,5%), đóng góp 8,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,5%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,7%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 6,5%, làm giảm 1,0 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 12 đã giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm lần đầu tiên trong ba tháng, khi đạt 49,8 điểm so với 50,8 điểm của tháng 11. Kết quả chỉ số cho thấy các điều kiện kinh doanh tổng thể đã suy giảm nhẹ vào thời điểm cuối năm.

Xuất nhập khẩu trên đà phục hồi

Năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD.

Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm trước.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 119,6 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 144,3 tỷ USD.

Nguồn vốn FDI giải ngân cao

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,23 tỷ USD, giảm 3,0% so với năm trước.

Vốn đăng ký cấp mới có 3.375 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 19,73 tỷ USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và giảm 7,6% về số vốn đăng ký.

Vốn đăng ký điều chỉnh có 1.539 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 13,96 tỷ USD, tăng 50,4% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

Lạm phát trong tầm kiểm soát

CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023 đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023.

Chính sách tiền tệ linh hoạt

Tính đến 31/12/2024, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 15,08% (cùng thời điểm năm trước tăng 13,5%).

Năm 2024, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, đồng thời chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay, nhờ đó mặt bằng lãi suất cho vay đối với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại có xu hướng giảm trong năm 2024.

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, tỷ giá trung tâm VND/USD ở mức 24.355 đồng, tăng 1,97% so với thời điểm cuối năm 2023.

2. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Trong quý IV/2024 có 132.621 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ được phát hành, giảm 12% so với quý III/2024 và giảm 8% so với cùng kỳ năm 2023. Phần lớn trái phiếu được phát hành thuộc nhóm Ngân hàng với 71.779 tỷ đồng, chiếm 54% tổng giá trị phát hành. Theo sau đó là nhóm ngành Bất động sản và ngành Sản xuất với giá trị phát hành lần lượt là 30.639 tỷ đồng và 13.375 tỷ đồng, tương đương 23% và 10% tổng giá trị phát hành. Tính cả năm 2024, có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410.544 tỷ đồng và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá 32.914 tỷ đồng.

Trong quý IV/2024, giá trị trái phiếu được mua lại trước hạn là 64.848 tỷ đồng, giảm 0,4% so với quý III/2024 và giảm 8,3% cùng kỳ 2023. Trong đó phần lớn trái phiếu mua lại thuộc nhóm ngành Ngân hàng với 52.781 tỷ đồng chiếm 82% tổng giá trị mua lại, tiếp theo là nhóm ngành Bất động sản và Sản xuất lần lượt là 8.755 tỷ đồng và 1.857 tỷ đồng chiếm 14% và 3% tổng giá trị mua lại.

Trong năm 2025, ước tính sẽ có khoảng 216.670 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản với 120.640 tỷ đồng, tương đương 55,6%.

3. Thị trường quỹ mở trái phiếu

Do mặt bằng chung lãi suất tiền gửi tiết kiệm năm 2024 thấp hơn lãi suất bình quân năm 2023 nên kết quả hoạt động của các quỹ mở trái phiếu cũng giảm so với cùng kỳ, tăng trưởng NAV/chứng chỉ quỹ dao động từ 5% đến 7,8% trong năm 2024.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

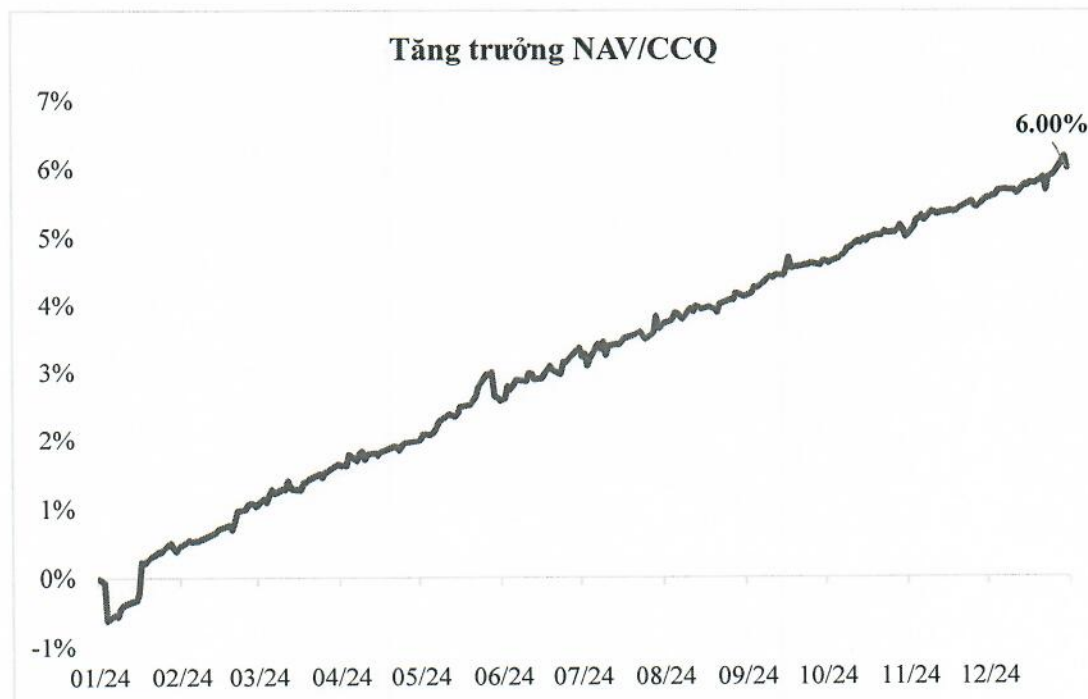
1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	103,27	1.226,16
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	(97,27)	(1.211,38)
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	6,00	14,78
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị CCQ	6,00	6,24

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	71.443.851.520	164.329.780.895	(56,52)
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	11.478,19	10.828,29	6,00

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ trong năm của Quỹ:



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

<i>Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số lượng nhà đầu tư nắm giữ</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ nắm giữ (%)</i>
Dưới 5.000	200	86.840,41	1,40
Từ 5.000 đến 10.000	1	5.237,40	0,08
Từ 10.000 đến 50.000	3	38.160,18	0,61
Từ 50.000 đến 500.000	1	96.578,29	1,55
Trên 500.000	2	5.997.493,50	96,36
Tổng cộng	207	6.224.309,78	100,00

3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Thị trường Trái Phiếu Doanh Nghiệp sẽ cải thiện trong các quý tới nhờ nhiều yếu tố hỗ trợ tích cực từ vĩ mô, chính sách tiền tệ linh hoạt cùng các quy định pháp lý rõ ràng hơn.

Nâng cao tính thanh khoản thị trường

HNX đang thực hiện giai đoạn 2 của thị trường riêng lẻ, cung cấp kênh kết nối trực tuyến công ty chứng khoán, thêm dịch vụ mới cho nhà đầu tư. Tính chung năm 2024, giá trị giao dịch bình quân đạt 11.802 tỷ đồng/phiên, tăng 81,1% so với bình quân năm 2023.

Ngân hàng phát hành tích cực

Việc các ngân hàng thương mại đẩy mạnh huy động vốn qua kênh trái phiếu dù chi phí vốn đắt đỏ hơn so với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng được cho là nhằm bổ sung cơ cấu vốn trung, dài hạn trong bối cảnh nhu cầu vay vốn đang dần phục hồi.

Bất động sản ảm đạm

Tăng trưởng tín dụng cho lĩnh vực bất động sản, trong đó các vướng mắc về hành lang pháp lý dần được tháo gỡ, cụ thể là Luật Đất đai và Luật các Tổ chức Tín dụng. Khi thị trường bất động sản hồi phục, có thể dẫn đến nhu cầu phát hành trái phiếu mới cho các dự án tiềm năng.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.


Ông Phạm Phơ Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (“Quỹ”, tên viết tắt: VCAM-NH VABF), hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bản Việt (tên viết tắt VCAMFI) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và Mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng



Đoàn Thị Thu Hằng

Số tham chiếu: 13169814/67854166

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt) (“Quỹ”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 13 đến trang 63, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn áp dụng hướng dẫn tại Sổ tay Định giá của Quỹ để xác định giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được trình bày trong *Thuyết minh số 5 - Các khoản đầu tư* và *Thuyết minh số 14 - Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện* của báo cáo tài chính thay vì áp dụng quy định tại Phụ lục XIV, Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Cách xác định giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết này chưa hoàn toàn tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với Quỹ mở.

Nếu Công ty xác định giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết theo quy định tại Phụ lục XIV, Thông tư 98 thì chỉ tiêu “Các khoản đầu tư thuần” trên Báo cáo tình hình tài chính, chỉ tiêu “Trái phiếu niêm yết” trên Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ giảm đi cùng một giá trị là 2.397.750.149 VND. Đồng thời, chỉ tiêu “Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện”, chỉ tiêu “Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện” và chỉ tiêu “Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN” trên Báo cáo thu nhập, chỉ tiêu “Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong năm” trên Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và chỉ tiêu “Đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện” trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “*Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO THU NHẬP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		11.652.562.757	13.383.372.387
02	1.1 Trái tức được chia	12	10.635.342.366	7.713.624.062
03	1.2 Tiền lãi được nhận	12	1.241.738.660	5.499.031.426
04	1.3 (Lỗ)/Lãi bán các khoản đầu tư	13	(308.628.377)	179.144.639
05	1.4 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	14	84.055.313	(8.496.920)
08	1.5 Doanh thu khác về đầu tư		54.795	69.180
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		37.062.208	25.055.993
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	37.062.208	25.055.993
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.432.178.283	2.452.552.097
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở	23.1	1.559.805.380	1.582.617.395
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	182.482.903	181.320.834
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát	23.2	92.400.000	92.400.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	198.000.000	198.000.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		158.400.000	158.400.000
20.7	3.5. Chi phí họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ mở		4.050.000	-
20.8	3.6. Chi phí kiểm toán		120.000.000	120.000.000
20.10	3.7. Chi phí hoạt động khác	17	117.040.000	119.813.868
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		9.183.322.266	10.905.764.297
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		9.183.322.266	10.905.764.297
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		9.099.266.953	10.914.261.217
32	6.2 Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	5	84.055.313	(8.496.920)
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		9.183.322.266	10.905.764.297

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Người lập:
 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán Quỹ



Người kiểm soát:
 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng




 Người phê duyệt:
 Ông Phạm Pho Hop
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	1.597.401.026	12.003.453.457
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		1.597.401.026	12.003.453.457
120	2. Các khoản đầu tư thuần		68.727.220.373	147.536.336.723
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	68.727.220.373	147.536.336.723
130	3. Các khoản phải thu		1.346.262.384	5.072.135.952
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.346.262.384	5.072.135.952
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	1.346.262.384	5.072.135.952
100	TỔNG TÀI SẢN		71.670.883.783	164.611.926.132
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán CCQ		316.943	469.182
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		930.113	901.997
316	3. Chi phí phải trả	8	89.300.000	89.300.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		10.000.187	187
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	9	126.485.020	191.473.871
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		227.032.263	282.145.237
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		71.443.851.520	164.329.780.895
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		62.243.097.800	151.759.670.800
412	1.1 Vốn góp phát hành	10	155.876.823.400	151.811.059.000
413	1.2 Vốn góp mua lại	10	(93.633.725.600)	(51.388.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(12.547.472.640)	5.206.001
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	11	21.748.226.360	12.564.904.094
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	10	11.478,19	10.828,29

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Chứng chỉ Quỹ	Số đầu năm Chứng chỉ Quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	6.224.309,78	15.175.967,08

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Người lập:
Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ



Người kiểm soát:
Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:
Ông Phạm Phú Hòp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu năm	164.329.780.895	152.190.430.191
II	Thay đổi NAV trong năm	9.183.322.266	10.905.764.297
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	9.183.322.266	10.905.764.297
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(102.069.251.641)	1.233.586.407
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	4.459.027.930	1.281.058.105
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(106.528.279.571)	(47.471.698)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	71.443.851.520	164.329.780.895

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Người lập:
Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ



Người kiểm soát:
Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng




Người phê duyệt:
Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)
I	Trái phiếu			68.727.220.373	95,89
1	Trái phiếu niêm yết			68.727.220.373	95,89
1.1	- BAF122029	60.000	99.307,247	5.958.434.795	8,31
1.2	- BAF123020	48.000	102.030,534	4.897.465.644	6,83
1.3	- CTD122015	5	1.000.000.000	5.000.000.000	6,98
1.4	- CTG121031	120.000	99.777,172	11.973.260.666	16,70
1.5	- LPB121036	30.000	101.013,493	3.030.404.795	4,23
1.6	- MSN123008	130.000	100.000,918	13.000.119.315	18,14
1.7	- TNG122017	70.000	98.405,667	6.888.396.712	9,61
1.8	- VBA122001	104.919	96.799,623	10.156.119.694	14,17
1.9	- VBA123036	30.000	100.267,223	3.008.016.697	4,20
1.10	- VHM121025	50.000	96.300,041	4.815.002.055	6,72
II	Các tài sản khác			1.346.262.384	1,88
1	Dự thu lãi trái phiếu			1.346.262.384	1,88
III	Tiền			1.597.401.026	2,23
1	Tiền gửi ngân hàng			1.597.401.026	2,23
1.1	- Tiền gửi thanh toán			1.597.401.026	2,23
IV	Tổng giá trị danh mục			71.670.883.783	100,00

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Người lập:
 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán Quỹ



Người kiểm soát:
 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:
 Ông Phạm Pho Hóp
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		9.183.322.266	10.905.764.297
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(84.055.313)	13.496.920
03	Trong đó:			
	(Lãi)/Lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(84.055.313)	8.496.920
04	Chi phí trích trước		-	5.000.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		9.099.266.953	10.919.261.217
20	Giảm/(Tăng) các khoản đầu tư		78.893.171.663	(32.420.990.526)
07	Giảm/(Tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		3.725.873.568	(3.035.346.925)
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán CCQ		(152.239)	469.182
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		28.116	1.997
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		10.000.000	-
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		-	(5.000.000)
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		(64.988.851)	10.269.142
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		91.663.199.210	(24.531.335.913)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	10	4.459.027.930	1.281.058.105
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	10	(106.528.279.571)	(47.471.698)
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(102.069.251.641)	1.233.586.407
40	III. Giảm tiền thuần trong năm		(10.406.052.431)	(23.297.749.506)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		12.003.453.457	35.301.202.963
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		1.597.401.026	12.003.453.457
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.597.401.026	12.003.453.457
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		1.587.400.644	12.003.452.536
	<i>Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ</i>	4	1.587.400.644	12.003.452.536
58	- Tiền gửi đầu tư của nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ		10.000.382	921
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		(10.406.052.431)	(23.297.749.506)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Người lập:
 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán Quỹ



Người kiểm soát:
 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng




Người phê duyệt:
 Ông Phạm Phú Hốp
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt ("Quỹ")) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 20 tháng 2 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 2 năm 2025, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 12.566.188,87 chứng chỉ với tổng giá trị là 125.661.888.700 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 62.243.097.800 đồng, tương đương với 6.224.309,78 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi tùy theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành.

Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom-Up Approach" trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (với kỳ định giá hàng ngày) và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng).

Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hằng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Quỹ sẽ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ đó;
- h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- j) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư được quy định tại điểm (b), (c), (d), (e) và (h) và chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành ;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "*Các khoản đầu tư*". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "*Các khoản đầu tư*" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác.	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	Phương pháp xác định giá theo Thông tư 98/2020/TT-BTC: - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
6	Trái phiếu niêm yết (tiếp theo)	Phương pháp xác định giá theo Sổ tay định giá của Quỹ: - Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc chỉ có giao dịch với giá trái phiếu có biến động bất thường (*), giá trái phiếu được sử dụng để định giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua bình quân gia quyền (giá sạch) cộng lãi lũy kế; + Giá sạch của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 30 ngày tính đến Ngày định giá cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. <i>Ghi chú:</i> (*) Giá trái phiếu (giá sạch) có biến động bất thường là giá thị trường có biến động tăng hoặc giảm lớn hơn 1% so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua bình quân gia quyền (giá sạch) nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất. - Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đáo hạn hoặc không có đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn (15) ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
15.	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ thông qua.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí dịch vụ quản lý, phí dịch vụ giám sát, phí dịch vụ lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn đến hai (2) số thập phân.

3.5 *Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn*

3.5.1 *Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận phân phối*" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Phí dịch vụ quản lý quỹ

Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 thì phí dịch vụ quản lý quỹ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Theo đó, phí dịch vụ quản lý quỹ là 1% (một phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ quản lý Quỹ được tính (trích lập) cho các Ngày định giá thực hiện trong tháng và được trả cho Công ty quản lý quỹ trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

3.8.2 Phí dịch vụ quản trị quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% (không phẩy không ba phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ quản trị Quỹ được tính (trích lập) vào các ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Phí dịch vụ quản trị quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức phí dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu) Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.3 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định là 12.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ lập danh sách thực hiện quyền là 1.000.000 đồng trên một lần lập danh sách. Phí có thể thay đổi theo thời điểm, được điều chỉnh và cập nhật cho Nhà đầu tư tại Bản cáo bạch căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.4 Phí dịch vụ giám sát

Phí dịch vụ giám sát Quỹ là 0,02% (không phẩy không hai phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ giám sát Quỹ được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Phí dịch vụ giám sát quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức phí dịch vụ giám sát Quỹ tối thiểu là 7.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCam-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.5 Phí dịch vụ lưu ký

Phí dịch vụ lưu ký Quỹ là 0,06% (không phải không sáu phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức phí dịch vụ lưu ký Quỹ tối thiểu là 15.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.6 Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 100.000 đồng/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 đồng/ngày giao dịch và công thức tính là 0,01% giá trị giao dịch. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư, Công văn số 741/CCTQ3-TTHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc trả lời công văn số 22/2022/CV-VCAM ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt về chính sách thuế.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đối với các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, các nhà đầu tư này có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành khi nhận lợi tức, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân trong nước hay nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu trái tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	1.587.400.644	12.003.452.536
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ	10.000.382	921
	1.597.401.026	12.003.453.457

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch Tăng/(giảm) thuần VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	68.652.322.032	68.727.220.373	74.898.341	-	74.898.341	68.727.220.373
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	96.843.512.225	96.834.355.253	283.408.478	(292.565.450)	(9.156.972)	96.834.355.253
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	11.001.981.470	11.001.981.470	-	-	-	11.001.981.470
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	39.700.000.000	39.700.000.000	-	-	-	39.700.000.000
	147.545.493.695	147.536.336.723	283.408.478	(292.565.450)	(9.156.972)	147.536.336.723
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					84.055.313	

- a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Công ty Cổ phần Vinhomes, và Ngân hàng thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 10 năm, lãi suất từ 5,675%/năm đến 10,50%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm/ lần.

Trái phiếu do Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons phát hành, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 9,50%/năm, lãi trả 6 tháng/lần. Trái phiếu này đã hủy niêm yết từ 30 tháng 12 năm 2024 do đến thời hạn đáo hạn, thuộc trường hợp hủy bỏ niêm yết theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ngày 31 tháng 12 năm 2020. Đến ngày 14 tháng 1 năm 2025, Quỹ đã tắt toán toàn bộ trái phiếu này và thu đủ gốc lãi trái phiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. DỰ THU TRÁI TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	1.346.262.384	2.740.240.072
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	-	2.331.895.880
	1.346.262.384	5.072.135.952

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VỀ MUA BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty quản lý Quỹ	173.443	108.186
Đại lý phân phối	143.500	360.996
	316.943	469.182

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phí kiểm toán	65.000.000	65.000.000
Thù lao ban đại diện quỹ	24.300.000	24.300.000
	89.300.000	89.300.000

9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả phí dịch vụ quản lý quỹ	74.085.020	139.073.871
Phải trả phí dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	7.700.000	7.700.000
	126.485.020	191.473.871

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

10. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Phát sinh trong năm VND</i>	<i>Số cuối năm VND</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	15.181.105,90	406.576,44	15.587.682,34
Giá trị ghi theo mệnh giá	151.811.059.000	4.065.764.400	155.876.823.400
Thặng dư vốn	7.887.780	393.263.530	401.151.310
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	151.818.946.780	4.459.027.930	156.277.974.710
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(5.138,82)	(9.358.233,74)	(9.363.372,56)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(51.388.200)	(93.582.337.400)	(93.633.725.600)
Thặng dư vốn	(2.681.779)	(12.945.942.171)	(12.948.623.950)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(54.069.979)	(106.528.279.571)	(106.582.349.550)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	15.175.967,08	(8.951.657,30)	6.224.309,78
Giá trị vốn góp hiện hành	151.764.876.801	(102.069.251.641)	49.695.625.160
Lợi nhuận chưa phân phối	12.564.904.094	9.183.322.266	21.748.226.360
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	164.329.780.895		71.443.851.520
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.828,29		11.478,19

11. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	12.564.904.094	1.659.139.797
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	9.183.322.266	10.905.764.297
Trong đó:		
- Lợi nhuận đã thực hiện	9.099.266.953	10.914.261.217
- Lợi nhuận/ (Lỗ) chưa thực hiện	84.055.313	(8.496.920)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	21.748.226.360	12.564.904.094

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

12. TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trái tức được chia	10.635.342.366	7.713.624.062
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.217.780.833	4.823.201.503
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	23.957.827	22.898.422
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	-	652.931.501
	11.877.081.026	13.212.655.488

13. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán/đáo hạn trong năm VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(Lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
Trái phiếu niêm yết	102.180.977.826	102.575.953.921	(394.976.095)
Trái phiếu chưa niêm yết	18.088.329.211	18.001.981.493	86.347.718
	120.269.307.037	120.577.935.414	(308.628.377)
	Năm trước		
	Tổng giá trị bán/đáo hạn trong năm VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(Lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
Trái phiếu niêm yết	24.734.700.000	24.594.583.003	140.116.997
Trái phiếu chưa niêm yết	7.600.000.000	7.774.169.096	(174.169.096)
Chứng chỉ tiền gửi	45.000.000.000	44.786.803.262	213.196.738
	77.334.700.000	77.155.555.361	179.144.639

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

14. CHÊNH LỆCH TĂNG/ (GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Năm nay				
	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm 2024 VND</i>
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	68.652.322.032	68.727.220.373	74.898.341	(9.156.972)	84.055.313
	Năm trước				
	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm 2023 VND</i>
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	96.843.512.225	96.834.355.253	(9.156.972)	(660.052)	(8.496.920)
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	11.001.981.470	11.001.981.470	-	-	-
Tiền gửi cho kỳ hạn trên ba (3) tháng)	39.700.000.000	39.700.000.000	-	-	-
	147.545.493.695	147.536.336.723	(9.156.972)	(660.052)	(8.496.920)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/ (5)	(7)	(8)
1	Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam	Không liên quan	88.018.306.880	129.876.344.880	67,77	0,015-0,1	0,0% - 0,5%
2	Công ty cổ phần Chứng khoán ASAM	Không liên quan	35.601.448.000	129.876.344.880	27,41	0,020	0,0% - 0,5%
3	Công ty cổ phần Chứng khoán Pinetree	Không liên quan	6.256.590.000	129.876.344.880	4,82	0,015	0,0% - 0,5%
Tổng			129.876.344.880		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của trái phiếu niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn trái phiếu riêng lẻ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/ (5)	(7)	(8)
1	Công ty cổ phần chứng khoán ASAM	Không liên quan	52.201.260.400	80.903.955.090	64,52	0,02	0,00 - 0,45
2	Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	28.702.694.690	80.903.955.090	35,48	0,02	0,00 - 0,45
Tổng			80.903.955.090		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của trái phiếu niêm yết.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	12.347.491	16.180.790
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	11.630.572	-
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	13.084.145	8.875.203
	37.062.208	25.055.993

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	180.000.000	180.000.000
Phí dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở trả cho Tổng Công Ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam	2.482.903	1.320.834
	182.482.903	181.320.834

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	108.000.000	108.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	7.500.000
Phí ngân hàng	1.540.000	4.203.868
Phí khác	-	110.000
	117.040.000	119.813.868

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
1	31-12-2023	164.329.780.895	15.175.967,08	10.828,29	
2	01-01-2024	164.299.473.883	15.175.967,08	10.826,29	(2,00)
3	02-01-2024	164.257.894.108	15.175.967,08	10.823,55	(2,74)
4	03-01-2024	164.215.186.889	15.176.290,09	10.820,50	(3,05)
5	04-01-2024	163.320.613.566	15.176.097,77	10.761,70	(58,80)
6	07-01-2024	163.451.736.478	15.176.097,77	10.770,34	8,64
7	08-01-2024	163.416.879.182	15.176.097,77	10.768,04	(2,30)
8	09-01-2024	163.610.581.853	15.176.836,98	10.780,28	12,24
9	10-01-2024	163.677.848.220	15.176.366,88	10.785,04	4,76
10	11-01-2024	163.718.684.979	15.176.551,58	10.787,60	2,56
11	14-01-2024	163.790.001.653	15.176.551,58	10.792,30	4,70
12	15-01-2024	163.805.857.303	15.176.551,58	10.793,35	1,05
13	16-01-2024	163.967.359.812	15.176.365,52	10.804,12	10,77
14	17-01-2024	164.719.844.318	15.178.207,40	10.852,39	48,27
15	18-01-2024	164.690.348.000	15.178.299,08	10.850,38	(2,01)
16	21-01-2024	164.863.989.662	15.178.390,78	10.861,75	11,37
17	22-01-2024	164.900.253.172	15.178.390,78	10.864,14	2,39
18	23-01-2024	164.955.387.964	15.178.298,75	10.867,84	3,70
19	24-01-2024	164.951.692.507	15.178.298,75	10.867,60	(0,24)
20	25-01-2024	165.006.680.366	15.178.298,75	10.871,22	3,62
21	28-01-2024	165.191.919.959	15.178.388,24	10.883,36	12,14
22	29-01-2024	162.999.182.588	14.990.388,24	10.873,57	(9,79)
23	30-01-2024	162.933.600.904	14.990.288,30	10.869,27	(4,30)
24	31-01-2024	163.035.054.524	14.990.885,46	10.875,61	6,34
25	01-02-2024	163.080.647.807	14.990.884,94	10.878,65	3,04
26	04-02-2024	163.217.009.810	14.991.433,71	10.887,35	8,70
27	05-02-2024	163.183.655.674	14.991.799,27	10.884,86	(2,49)
28	06-02-2024	163.199.377.834	14.991.661,96	10.886,00	1,14
29	07-02-2024	163.198.051.173	14.991.661,96	10.885,92	(0,08)
30	14-02-2024	163.403.307.721	14.991.661,96	10.899,61	13,69
31	15-02-2024	163.483.863.558	14.991.661,96	10.904,98	5,37
32	18-02-2024	163.569.788.713	14.993.213,06	10.909,58	4,60
33	19-02-2024	166.579.851.623	15.267.076,60	10.911,05	1,47
34	20-02-2024	166.464.406.351	15.267.076,60	10.903,48	(7,57)
35	21-02-2024	166.680.485.886	15.267.350,36	10.917,44	13,96
36	22-02-2024	166.914.596.567	15.267.714,90	10.932,51	15,07
37	25-02-2024	166.963.955.047	15.268.215,46	10.935,39	2,88
38	26-02-2024	167.060.767.961	15.267.715,46	10.942,09	6,70
39	27-02-2024	167.098.068.567	15.267.897,32	10.944,40	2,31
40	28-02-2024	167.090.285.668	15.268.079,14	10.943,76	(0,64)
41	29-02-2024	167.037.591.631	15.268.711,75	10.939,86	(3,90)
42	03-03-2024	167.224.729.448	15.268.984,78	10.951,92	12,06
43	04-03-2024	167.238.668.934	15.278.413,29	10.946,07	(5,85)
44	05-03-2024	167.416.268.599	15.277.925,54	10.958,04	11,97
45	06-03-2024	167.733.797.967	15.296.311,53	10.965,63	7,59
46	07-03-2024	167.649.569.771	15.296.026,37	10.960,33	(5,30)
47	10-03-2024	167.742.940.615	15.296.117,15	10.966,37	6,04
48	11-03-2024	167.736.886.543	15.296.362,12	10.965,80	(0,57)
49	12-03-2024	167.945.558.630	15.296.903,37	10.979,05	13,25
50	13-03-2024	167.793.309.936	15.297.084,61	10.968,97	(10,08)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
51	14-03-2024	167.755.234.369	15.296.903,15	10.966,61	(2,36)
52	17-03-2024	167.739.229.971	15.296.993,87	10.965,50	(1,11)
53	18-03-2024	167.905.772.194	15.296.616,72	10.976,66	11,16
54	19-03-2024	167.859.636.355	15.291.073,13	10.977,62	0,96
55	20-03-2024	167.935.007.406	15.291.979,51	10.981,90	4,28
56	21-03-2024	167.966.252.948	15.292.115,41	10.983,84	1,94
57	24-03-2024	168.048.897.083	15.291.317,70	10.989,82	5,98
58	25-03-2024	167.964.612.856	15.291.408,23	10.984,24	(5,58)
59	26-03-2024	168.093.025.826	15.291.408,23	10.992,64	8,40
60	27-03-2024	168.154.216.475	15.296.009,27	10.993,33	0,69
61	28-03-2024	168.216.438.362	15.296.099,77	10.997,34	4,01
62	31-03-2024	168.354.399.792	15.297.547,34	11.005,31	7,97
63	01-04-2024	168.456.930.607	15.311.199,38	11.002,20	(3,11)
64	02-04-2024	168.540.023.500	15.316.043,79	11.004,14	1,94
65	03-04-2024	168.367.007.455	15.302.482,16	11.002,59	(1,55)
66	04-04-2024	168.637.284.728	15.302.572,59	11.020,19	17,60
67	07-04-2024	168.489.911.424	15.302.662,87	11.010,49	(9,70)
68	08-04-2024	168.666.614.322	15.302.847,40	11.021,91	11,42
69	09-04-2024	168.723.023.592	15.302.404,08	11.025,91	4,00
70	10-04-2024	168.520.531.938	15.302.539,44	11.012,58	(13,33)
71	11-04-2024	168.639.222.883	15.302.085,76	11.020,66	8,08
72	14-04-2024	168.669.424.125	15.302.076,04	11.022,64	1,98
73	15-04-2024	168.609.281.898	15.301.939,84	11.018,81	(3,83)
74	16-04-2024	168.751.266.819	15.307.357,84	11.024,19	5,38
75	17-04-2024	168.780.451.327	15.307.357,84	11.026,09	1,90
76	18-04-2024	168.806.317.046	15.307.357,84	11.027,78	1,69
77	21-04-2024	168.888.989.428	15.307.357,84	11.033,19	5,41
78	22-04-2024	168.879.952.122	15.307.357,84	11.032,59	(0,60)
79	23-04-2024	168.790.418.433	15.307.357,84	11.026,75	(5,84)
80	24-04-2024	168.897.078.166	15.307.357,84	11.033,71	6,96
81	25-04-2024	168.978.535.612	15.307.357,84	11.039,04	5,33
82	30-04-2024	169.031.687.617	15.307.988,76	11.042,05	3,01
83	01-05-2024	169.058.489.181	15.307.988,76	11.043,80	1,75
84	02-05-2024	169.190.482.392	15.307.478,85	11.052,79	8,99
85	05-05-2024	169.184.262.871	15.307.568,87	11.052,32	(0,47)
86	06-05-2024	169.400.342.734	15.322.063,08	11.055,97	3,65
87	07-05-2024	169.521.162.724	15.321.791,24	11.064,05	8,08
88	08-05-2024	169.667.072.441	15.321.988,04	11.073,43	9,38
89	09-05-2024	169.711.689.483	15.322.077,89	11.076,28	2,85
90	12-05-2024	169.843.749.431	15.322.077,89	11.084,90	8,62
91	13-05-2024	169.821.165.936	15.322.077,89	11.083,42	(1,48)
92	14-05-2024	169.782.472.286	15.322.077,89	11.080,90	(2,52)
93	15-05-2024	169.843.010.068	15.322.287,97	11.084,70	3,80
94	16-05-2024	170.024.286.996	15.322.377,73	11.096,46	11,76
95	19-05-2024	170.062.526.699	15.322.196,77	11.099,09	2,63
96	20-05-2024	170.073.247.434	15.322.096,77	11.099,86	0,77
97	21-05-2024	170.193.595.045	15.323.163,80	11.106,94	7,08
98	22-05-2024	170.304.910.041	15.323.163,80	11.114,21	7,27
99	23-05-2024	170.528.117.112	15.323.163,80	11.128,77	14,56
100	26-05-2024	170.848.777.233	15.324.951,94	11.148,40	19,63

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
101	27-05-2024	170.846.601.776	15.325.504,31	11.147,86	(0,54)
102	28-05-2024	170.920.099.999	15.326.039,82	11.152,26	4,40
103	29-05-2024	170.314.268.067	15.326.039,82	11.112,73	(39,53)
104	30-05-2024	170.295.389.747	15.326.039,82	11.111,50	(1,23)
105	31-05-2024	170.222.855.684	15.327.288,46	11.105,86	(5,64)
106	02-06-2024	170.284.740.524	15.327.288,46	11.109,90	4,04
107	03-06-2024	170.591.096.532	15.327.378,01	11.129,82	19,92
108	04-06-2024	170.484.729.194	15.326.848,82	11.123,27	(6,55)
109	05-06-2024	170.564.045.731	15.326.848,82	11.128,44	5,17
110	06-06-2024	170.728.646.383	15.327.206,46	11.138,92	10,48
111	09-06-2024	170.715.927.458	15.326.532,43	11.138,58	(0,34)
112	10-06-2024	170.698.665.309	15.326.621,75	11.137,39	(1,19)
113	11-06-2024	170.904.815.839	15.326.708,35	11.150,78	13,39
114	12-06-2024	170.888.548.101	15.326.797,58	11.149,65	(1,13)
115	13-06-2024	170.746.467.936	15.326.797,58	11.140,38	(9,27)
116	16-06-2024	170.773.760.683	15.326.976,20	11.142,03	1,65
117	17-06-2024	167.854.559.185	15.054.435,08	11.149,84	7,81
118	18-06-2024	167.931.621.967	15.053.864,36	11.155,38	5,54
119	19-06-2024	167.934.093.485	15.044.868,39	11.162,21	6,83
120	20-06-2024	167.825.521.855	15.044.957,53	11.154,93	(7,28)
121	23-06-2024	167.729.997.493	15.044.957,53	11.148,58	(6,35)
122	24-06-2024	168.006.728.327	15.043.068,66	11.168,38	19,80
123	25-06-2024	168.009.929.159	15.043.425,02	11.168,32	(0,06)
124	26-06-2024	168.071.314.170	15.043.870,47	11.172,07	3,75
125	27-06-2024	168.149.920.989	15.043.959,53	11.177,23	5,16
126	30-06-2024	168.365.803.137	15.044.671,07	11.191,05	13,82
127	01-07-2024	168.152.301.116	15.044.759,98	11.176,80	(14,25)
128	02-07-2024	168.230.035.468	15.044.759,98	11.181,96	5,16
129	03-07-2024	167.931.043.407	15.044.937,94	11.161,96	(20,00)
130	04-07-2024	168.100.176.304	15.044.937,94	11.173,20	11,24
131	07-07-2024	168.458.249.765	15.044.717,60	11.197,16	23,96
132	08-07-2024	168.336.685.127	15.044.806,46	11.189,02	(8,14)
133	09-07-2024	168.522.340.538	15.045.595,71	11.200,77	11,75
134	10-07-2024	168.193.794.238	15.045.773,37	11.178,80	(21,97)
135	11-07-2024	168.419.281.098	15.045.773,37	11.193,79	14,99
136	14-07-2024	168.467.832.512	15.045.773,37	11.197,02	3,23
137	15-07-2024	168.453.217.947	15.045.677,27	11.196,12	(0,90)
138	16-07-2024	168.524.485.767	15.046.693,28	11.200,10	3,98
139	17-07-2024	168.615.564.344	15.046.693,28	11.206,15	6,05
140	18-07-2024	168.633.205.297	15.046.870,86	11.207,19	1,04
141	21-07-2024	168.706.065.174	15.046.870,86	11.212,03	4,84
142	22-07-2024	168.750.253.964	15.046.870,86	11.214,97	2,94
143	23-07-2024	168.774.098.862	15.045.405,79	11.217,65	2,68
144	24-07-2024	168.639.687.008	15.045.405,79	11.208,71	(8,94)
145	25-07-2024	168.576.427.127	15.045.405,79	11.204,51	(4,20)
146	28-07-2024	168.717.196.516	15.045.494,59	11.213,80	9,29
147	29-07-2024	169.163.420.210	15.046.293,12	11.242,86	29,06
148	30-07-2024	168.859.629.185	15.046.293,12	11.222,67	(20,19)
149	31-07-2024	168.900.964.460	15.046.381,77	11.225,35	2,68
150	01-08-2024	168.996.005.187	15.046.559,03	11.231,53	6,18

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
151	04-08-2024	169.086.118.723	15.048.330,82	11.236,20	4,67
152	05-08-2024	169.256.202.994	15.048.596,47	11.247,30	11,10
153	06-08-2024	169.248.141.900	15.048.861,86	11.246,57	(0,73)
154	07-08-2024	169.177.130.484	15.048.861,00	11.241,85	(4,72)
155	08-08-2024	169.115.577.700	15.049.042,43	11.237,63	(4,22)
156	11-08-2024	169.377.045.916	15.049.020,85	11.255,02	17,39
157	12-08-2024	169.305.001.440	15.049.020,85	11.250,23	(4,79)
158	13-08-2024	169.451.479.433	15.049.640,20	11.259,50	9,27
159	14-08-2024	169.415.013.145	15.049.640,20	11.257,08	(2,42)
160	15-08-2024	169.360.580.081	15.049.551,70	11.253,52	(3,56)
161	18-08-2024	169.428.682.697	15.049.993,95	11.257,72	4,20
162	19-08-2024	169.388.959.818	15.049.993,95	11.255,08	(2,64)
163	20-08-2024	169.372.877.788	15.049.902,25	11.254,08	(1,00)
164	21-08-2024	169.307.599.455	15.050.432,72	11.249,35	(4,73)
165	22-08-2024	169.501.503.492	15.050.432,72	11.262,23	12,88
166	25-08-2024	169.586.845.398	15.050.432,72	11.267,90	5,67
167	26-08-2024	169.611.366.765	15.050.432,72	11.269,53	1,63
168	27-08-2024	169.601.102.296	15.050.695,15	11.268,65	(0,88)
169	28-08-2024	169.774.866.235	15.050.695,15	11.280,20	11,55
170	29-08-2024	169.705.396.123	15.045.893,44	11.279,18	(1,02)
171	31-08-2024	169.621.472.005	15.044.893,44	11.274,35	(4,83)
172	03-09-2024	169.707.894.906	15.044.893,44	11.280,09	5,74
173	04-09-2024	169.872.599.099	15.045.687,29	11.290,45	10,36
174	05-09-2024	169.854.149.213	15.046.478,85	11.288,63	(1,82)
175	08-09-2024	170.013.982.442	15.046.390,44	11.299,32	10,69
176	09-09-2024	170.088.615.205	15.046.388,94	11.304,28	4,96
177	10-09-2024	170.129.770.725	15.046.331,88	11.307,05	2,77
178	11-09-2024	170.099.345.488	15.046.595,85	11.304,83	(2,22)
179	12-09-2024	170.174.976.506	15.046.595,85	11.309,86	5,03
180	15-09-2024	170.156.452.833	15.046.683,82	11.308,56	(1,30)
181	16-09-2024	170.324.509.690	15.046.771,80	11.319,67	11,11
182	17-09-2024	170.594.653.233	15.046.947,60	11.337,49	17,82
183	18-09-2024	170.342.192.756	15.046.947,60	11.320,71	(16,78)
184	19-09-2024	170.366.722.237	15.047.035,49	11.322,27	1,56
185	22-09-2024	170.399.032.678	15.047.290,29	11.324,23	1,96
186	23-09-2024	170.422.123.984	15.047.290,29	11.325,76	1,53
187	24-09-2024	170.396.021.513	15.044.590,29	11.326,06	0,30
188	25-09-2024	170.419.424.346	15.043.595,27	11.328,37	2,31
189	26-09-2024	170.319.190.799	15.034.590,29	11.328,48	0,11
190	29-09-2024	170.288.936.403	15.035.556,43	11.325,74	(2,74)
191	30-09-2024	170.397.954.981	15.035.644,28	11.332,93	7,19
192	01-10-2024	170.388.761.883	15.036.258,31	11.331,85	(1,08)
193	02-10-2024	170.346.663.737	15.036.336,11	11.329,00	(2,85)
194	03-10-2024	170.390.462.801	15.036.336,11	11.331,91	2,91
195	06-10-2024	170.472.070.510	15.036.336,11	11.337,34	5,43
196	07-10-2024	170.532.846.742	15.036.775,27	11.341,05	3,71
197	08-10-2024	170.584.541.215	15.037.479,63	11.343,95	2,90
198	09-10-2024	170.787.955.162	15.043.530,03	11.352,91	8,96
199	10-10-2024	170.795.537.662	15.043.530,03	11.353,42	0,51
200	13-10-2024	170.958.538.906	15.043.780,58	11.364,06	10,64

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
201	14-10-2024	170.977.704.588	15.048.858,86	11.361,50	(2,56)
202	15-10-2024	171.068.626.630	15.048.725,86	11.367,64	6,14
203	16-10-2024	171.000.000.246	15.048.725,86	11.363,08	(4,56)
204	17-10-2024	171.093.702.989	15.048.725,86	11.369,31	6,23
205	20-10-2024	171.156.375.281	15.049.075,91	11.373,21	3,90
206	21-10-2024	171.017.248.580	15.038.080,90	11.372,27	(0,94)
207	22-10-2024	171.041.332.067	15.038.693,34	11.373,41	1,14
208	23-10-2024	171.128.102.673	15.038.693,34	11.379,18	5,77
209	24-10-2024	171.094.574.395	15.038.693,34	11.376,95	(2,23)
210	27-10-2024	171.104.447.727	15.038.693,34	11.377,61	0,66
211	28-10-2024	110.842.864.174	9.738.847,21	11.381,51	3,90
212	29-10-2024	110.920.825.721	9.739.459,42	11.388,80	7,29
213	30-10-2024	110.847.457.196	9.739.459,42	11.381,27	(7,53)
214	31-10-2024	110.734.927.370	9.739.459,42	11.369,72	(11,55)
215	03-11-2024	110.876.477.675	9.739.546,93	11.384,15	14,43
216	04-11-2024	111.006.557.300	9.739.809,40	11.397,20	13,05
217	05-11-2024	111.022.290.805	9.739.809,40	11.398,81	1,61
218	06-11-2024	111.071.888.874	9.739.984,15	11.403,70	4,89
219	07-11-2024	111.000.466.850	9.739.984,15	11.396,37	(7,33)
220	10-11-2024	111.130.170.352	9.739.984,15	11.409,68	13,31
221	11-11-2024	111.117.151.553	9.739.984,15	11.408,35	(1,33)
222	12-11-2024	111.091.117.663	9.739.280,61	11.406,50	(1,85)
223	13-11-2024	111.103.164.016	9.739.280,61	11.407,73	1,23
224	14-11-2024	111.109.508.374	9.739.180,61	11.408,50	0,77
225	17-11-2024	111.136.939.259	9.739.180,61	11.411,32	2,82
226	18-11-2024	111.124.895.020	9.739.180,61	11.410,08	(1,24)
227	19-11-2024	111.131.118.286	9.739.267,81	11.410,62	0,54
228	20-11-2024	111.138.324.855	9.737.406,55	11.413,54	2,92
229	21-11-2024	111.169.506.972	9.737.406,55	11.416,74	3,20
230	24-11-2024	111.241.074.848	9.737.406,55	11.424,09	7,35
231	25-11-2024	111.218.604.259	9.733.637,91	11.426,21	2,12
232	26-11-2024	111.138.126.301	9.733.637,91	11.417,94	(8,27)
233	27-11-2024	91.035.352.826	7.973.723,75	11.416,91	(1,03)
234	28-11-2024	91.066.780.049	7.973.723,75	11.420,85	3,94
235	30-11-2024	91.138.507.404	7.973.810,87	11.429,73	8,88
236	01-12-2024	91.152.352.411	7.973.810,87	11.431,46	1,73
237	02-12-2024	91.159.433.057	7.973.810,87	11.432,35	0,89
238	03-12-2024	91.185.375.146	7.973.984,93	11.435,35	3,00
239	04-12-2024	91.183.127.654	7.974.071,94	11.434,95	(0,40)
240	05-12-2024	91.249.456.337	7.974.158,95	11.443,14	8,19
241	08-12-2024	91.260.852.300	7.974.158,95	11.444,57	1,43
242	09-12-2024	91.252.182.742	7.974.070,96	11.443,61	(0,96)
243	10-12-2024	91.254.406.067	7.974.332,06	11.443,51	(0,10)
244	11-12-2024	91.252.999.918	7.974.157,89	11.443,59	0,08
245	12-12-2024	91.217.155.902	7.975.288,20	11.437,47	(6,12)
246	15-12-2024	91.338.659.867	7.975.375,19	11.452,58	15,11
247	16-12-2024	91.325.659.647	7.975.375,19	11.450,95	(1,63)
248	17-12-2024	91.358.190.577	7.975.049,14	11.455,50	4,55
249	18-12-2024	91.354.471.558	7.975.049,14	11.455,03	(0,47)
250	19-12-2024	91.348.831.991	7.975.049,14	11.454,32	(0,71)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

<i>STT</i>	<i>Ngày tính NAV</i>	<i>NAV VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ</i>	<i>NAV/ đơn vị quỹ VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND</i>
251	22-12-2024	91.403.766.354	7.973.181,86	11.463,90	9,58
252	23-12-2024	91.238.813.008	7.973.268,65	11.443,08	(20,82)
253	24-12-2024	91.402.548.200	7.973.268,65	11.463,62	20,54
254	25-12-2024	91.427.557.420	7.973.529,02	11.466,38	2,76
255	26-12-2024	71.385.959.558	6.224.136,44	11.469,21	2,83
256	29-12-2024	71.515.796.013	6.224.223,19	11.489,91	20,70
257	30-12-2024	71.561.924.279	6.224.309,78	11.497,16	7,25
258	31-12-2024	71.443.851.520	6.224.309,78	11.478,19	(18,97)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 155.398.187.301

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất 58,80

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất 0,06

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND
1	31-12-2022	152.190.430.191	15.056.943,98	10.107,65	-
2	02-01-2023	152.236.217.688	15.056.943,98	10.110,69	3,04
3	03-01-2023	152.210.642.268	15.056.943,98	10.108,99	(1,70)
4	04-01-2023	152.221.752.492	15.056.943,98	10.109,73	0,74
5	05-01-2023	152.245.786.332	15.056.943,98	10.111,33	1,60
6	08-01-2023	152.299.672.864	15.056.943,98	10.114,91	3,58
7	09-01-2023	152.313.022.777	15.056.943,98	10.115,79	0,88
8	10-01-2023	152.310.399.536	15.056.943,98	10.115,62	(0,17)
9	11-01-2023	152.416.340.084	15.056.943,98	10.122,66	7,04
10	12-01-2023	152.424.207.870	15.056.943,98	10.123,18	0,52
11	15-01-2023	152.505.325.043	15.056.943,98	10.128,57	5,39
12	16-01-2023	152.550.483.303	15.056.943,98	10.131,57	3,00
13	17-01-2023	152.710.129.183	15.056.943,98	10.142,17	10,60
14	18-01-2023	152.756.352.744	15.056.943,98	10.145,24	3,07
15	25-01-2023	152.901.997.195	15.056.943,98	10.154,91	9,67
16	26-01-2023	152.927.293.941	15.056.943,98	10.156,59	1,68
17	29-01-2023	153.202.881.033	15.056.943,98	10.174,89	18,30
18	30-01-2023	153.132.121.429	15.056.943,98	10.170,19	(4,70)
19	31-01-2023	153.124.467.272	15.056.943,98	10.169,69	(0,50)
20	01-02-2023	153.111.086.917	15.056.943,98	10.168,80	(0,89)
21	02-02-2023	153.256.528.375	15.056.943,98	10.178,46	9,66
22	05-02-2023	153.353.005.741	15.056.943,98	10.184,86	6,40
23	06-02-2023	153.376.679.012	15.056.943,98	10.186,44	1,58
24	07-02-2023	153.403.257.616	15.056.943,98	10.188,20	1,76
25	08-02-2023	153.402.460.381	15.056.943,98	10.188,15	(0,05)
26	09-02-2023	153.456.443.331	15.056.943,98	10.191,73	3,58
27	12-02-2023	153.532.108.411	15.056.943,98	10.196,76	5,03
28	13-02-2023	153.560.117.037	15.056.943,98	10.198,62	1,86
29	14-02-2023	153.592.116.583	15.056.943,98	10.200,74	2,12
30	15-02-2023	153.599.924.407	15.056.943,98	10.201,26	0,52
31	16-02-2023	153.597.382.207	15.056.943,98	10.201,09	(0,17)
32	19-02-2023	153.617.571.112	15.056.943,98	10.202,44	1,35
33	20-02-2023	153.718.498.004	15.056.943,98	10.209,14	6,70
34	21-02-2023	153.723.639.562	15.056.943,98	10.209,48	0,34
35	22-02-2023	153.768.432.003	15.056.943,98	10.212,45	2,97
36	23-02-2023	153.777.166.114	15.056.943,98	10.213,03	0,58
37	26-02-2023	153.856.785.196	15.056.943,98	10.218,32	5,29
38	27-02-2023	153.865.642.948	15.056.943,98	10.218,91	0,59
39	28-02-2023	153.888.234.159	15.056.943,98	10.220,41	1,50
40	01-03-2023	153.918.795.285	15.056.943,98	10.222,44	2,03
41	02-03-2023	153.935.611.463	15.056.943,98	10.223,56	1,12
42	05-03-2023	154.000.245.952	15.056.943,98	10.227,85	4,29
43	06-03-2023	154.061.154.966	15.056.943,98	10.231,90	4,05
44	07-03-2023	154.049.601.617	15.056.943,98	10.231,13	(0,77)
45	08-03-2023	154.032.150.157	15.056.943,98	10.229,97	(1,16)
46	09-03-2023	154.109.552.353	15.056.943,98	10.235,11	5,14
47	12-03-2023	154.187.992.708	15.056.943,98	10.240,32	5,21
48	13-03-2023	154.193.909.191	15.056.943,98	10.240,71	0,39
49	14-03-2023	154.124.941.065	15.056.943,98	10.236,13	(4,58)
50	15-03-2023	154.252.753.510	15.056.943,98	10.244,62	8,49

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND
51	16-03-2023	154.263.209.284	15.056.943,98	10.245,31	0,69
52	19-03-2023	154.370.721.621	15.056.943,98	10.252,46	7,15
53	20-03-2023	154.431.367.319	15.056.943,98	10.256,48	4,02
54	21-03-2023	154.412.768.921	15.056.943,98	10.255,25	(1,23)
55	22-03-2023	154.413.288.865	15.056.943,98	10.255,28	0,03
56	23-03-2023	154.480.738.690	15.056.943,98	10.259,76	4,48
57	26-03-2023	154.532.661.381	15.056.943,98	10.263,21	3,45
58	27-03-2023	154.602.547.480	15.056.943,98	10.267,85	4,64
59	28-03-2023	154.646.917.190	15.056.943,98	10.270,80	2,95
60	29-03-2023	154.680.969.306	15.056.943,98	10.273,06	2,26
61	30-03-2023	154.718.478.639	15.056.943,98	10.275,55	2,49
62	31-03-2023	154.716.225.064	15.056.943,98	10.275,40	(0,15)
63	02-04-2023	154.773.696.238	15.056.943,98	10.279,22	3,82
64	03-04-2023	154.807.630.298	15.056.943,98	10.281,47	2,25
65	04-04-2023	154.894.735.848	15.057.137,52	10.287,13	5,66
66	05-04-2023	154.843.002.112	15.057.234,23	10.283,62	(3,51)
67	06-04-2023	154.840.072.934	15.057.234,23	10.283,43	(0,19)
68	09-04-2023	154.935.306.203	15.057.814,77	10.289,36	5,93
69	10-04-2023	155.009.345.640	15.057.911,47	10.294,21	4,85
70	11-04-2023	155.046.797.004	15.058.588,05	10.296,23	2,02
71	12-04-2023	155.072.047.254	15.058.829,63	10.297,74	1,51
72	13-04-2023	155.149.950.745	15.058.829,63	10.302,92	5,18
73	16-04-2023	155.150.654.755	15.058.829,63	10.302,96	0,04
74	17-04-2023	155.276.552.894	15.058.829,63	10.311,32	8,36
75	18-04-2023	155.288.206.479	15.058.926,12	10.312,03	0,71
76	19-04-2023	155.305.723.035	15.058.916,12	10.313,20	1,17
77	20-04-2023	156.334.938.210	15.155.394,41	10.315,46	2,26
78	23-04-2023	156.405.106.757	15.155.280,23	10.320,17	4,71
79	24-04-2023	156.448.674.537	15.155.569,46	10.322,85	2,68
80	25-04-2023	156.451.618.753	15.155.569,46	10.323,04	0,19
81	26-04-2023	156.471.582.908	15.155.665,84	10.324,29	1,25
82	27-04-2023	156.512.232.115	15.155.665,84	10.326,97	2,68
83	30-04-2023	156.534.714.615	15.156.147,58	10.328,13	1,16
84	03-05-2023	156.629.579.044	15.156.147,58	10.334,39	6,26
85	04-05-2023	156.739.022.705	15.156.147,58	10.341,61	7,22
86	07-05-2023	156.817.437.157	15.156.493,94	10.346,55	4,94
87	08-05-2023	156.849.125.230	15.156.493,94	10.348,64	2,09
88	09-05-2023	156.909.718.667	15.156.493,94	10.352,63	3,99
89	10-05-2023	156.922.160.998	15.156.590,05	10.353,39	0,76
90	11-05-2023	157.010.057.624	15.156.782,25	10.359,06	5,67
91	14-05-2023	157.085.802.593	15.156.974,35	10.363,92	4,86
92	15-05-2023	157.118.542.538	15.156.974,35	10.366,08	2,16
93	16-05-2023	157.137.505.963	15.156.974,35	10.367,33	1,25
94	17-05-2023	157.060.534.643	15.156.974,35	10.362,26	(5,07)
95	18-05-2023	157.054.511.176	15.156.974,35	10.361,86	(0,40)
96	21-05-2023	157.162.066.676	15.156.974,35	10.368,96	7,10
97	22-05-2023	157.175.630.787	15.156.974,35	10.369,85	0,89
98	23-05-2023	157.150.960.013	15.156.974,35	10.368,22	(1,63)
99	24-05-2023	157.188.448.036	15.157.454,18	10.370,37	2,15
100	25-05-2023	157.218.893.474	15.157.454,18	10.372,38	2,01

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND
101	28-05-2023	157.266.888.780	15.157.454,18	10.375,54	3,16
102	29-05-2023	157.306.251.836	15.157.454,18	10.378,14	2,60
103	30-05-2023	157.379.187.853	15.157.645,92	10.382,82	4,68
104	31-05-2023	157.427.369.363	15.157.645,92	10.386,00	3,18
105	01-06-2023	157.490.384.373	15.157.741,72	10.390,09	4,09
106	04-06-2023	157.592.776.714	15.157.741,72	10.396,85	6,76
107	05-06-2023	157.692.869.830	15.157.741,72	10.403,45	6,60
108	06-06-2023	157.718.696.815	15.157.741,72	10.405,15	1,70
109	07-06-2023	157.745.466.436	15.157.741,72	10.406,92	1,77
110	08-06-2023	157.775.717.728	15.158.076,33	10.408,69	1,77
111	11-06-2023	157.855.816.261	15.158.076,33	10.413,97	5,28
112	12-06-2023	157.890.929.563	15.158.076,33	10.416,29	2,32
113	13-06-2023	157.914.958.168	15.157.980,28	10.417,94	1,65
114	14-06-2023	157.941.722.412	15.157.980,28	10.419,70	1,76
115	15-06-2023	157.964.152.957	15.157.980,28	10.421,18	1,48
116	18-06-2023	158.042.370.813	15.157.980,28	10.426,34	5,16
117	19-06-2023	158.074.730.333	15.158.075,71	10.428,41	2,07
118	20-06-2023	158.104.809.659	15.158.171,12	10.430,33	1,92
119	21-06-2023	158.123.504.634	15.158.171,12	10.431,56	1,23
120	22-06-2023	158.265.795.369	15.158.266,50	10.440,89	9,33
121	25-06-2023	158.368.086.031	15.158.266,50	10.447,63	6,74
122	26-06-2023	158.398.671.506	15.158.266,50	10.449,65	2,02
123	27-06-2023	158.381.388.168	15.158.456,74	10.448,38	(1,27)
124	28-06-2023	158.442.387.752	15.158.456,74	10.452,40	4,02
125	29-06-2023	158.476.566.267	15.158.456,74	10.454,66	2,26
126	30-06-2023	158.506.501.305	15.158.456,74	10.456,63	1,97
127	02-07-2023	158.543.675.667	15.158.456,74	10.459,09	2,46
128	03-07-2023	158.482.238.986	15.158.932,40	10.454,70	(4,39)
129	04-07-2023	158.529.022.136	15.159.027,57	10.457,73	3,03
130	05-07-2023	158.558.413.906	15.159.217,85	10.459,53	1,80
131	06-07-2023	158.657.141.968	15.159.312,97	10.465,98	6,45
132	09-07-2023	158.746.755.761	15.159.312,97	10.471,89	5,91
133	10-07-2023	158.762.153.929	15.159.312,97	10.472,91	1,02
134	11-07-2023	158.630.119.347	15.159.216,26	10.464,26	(8,65)
135	12-07-2023	158.671.151.053	15.160.357,28	10.466,18	1,92
136	13-07-2023	158.781.198.251	15.160.357,28	10.473,44	7,26
137	16-07-2023	158.856.312.653	15.160.357,28	10.478,40	4,96
138	17-07-2023	158.808.816.957	15.160.357,28	10.475,26	(3,14)
139	18-07-2023	158.740.495.856	15.160.357,28	10.470,76	(4,50)
140	19-07-2023	158.743.362.275	15.160.642,35	10.470,75	(0,01)
141	20-07-2023	158.829.510.510	15.160.927,42	10.476,23	5,48
142	23-07-2023	158.925.677.913	15.161.022,39	10.482,51	6,28
143	24-07-2023	158.956.485.465	15.160.997,39	10.484,56	2,05
144	25-07-2023	158.997.303.633	15.160.997,39	10.487,25	2,69
145	26-07-2023	159.010.597.960	15.161.092,26	10.488,07	0,82
146	27-07-2023	158.937.138.232	15.161.092,26	10.483,22	(4,85)
147	30-07-2023	159.061.619.498	15.161.092,26	10.491,43	8,21
148	31-07-2023	159.183.572.924	15.161.092,26	10.499,47	8,04
149	01-08-2023	159.195.722.215	15.162.229,44	10.499,49	0,02
150	02-08-2023	159.225.388.905	15.162.229,44	10.501,44	1,95

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND
151	03-08-2023	159.258.115.057	15.162.324,18	10.503,54	2,10
152	06-08-2023	159.340.110.919	15.162.987,22	10.508,49	4,95
153	07-08-2023	159.337.270.974	15.163.081,90	10.508,23	(0,26)
154	08-08-2023	159.373.800.572	15.163.176,58	10.510,58	2,35
155	09-08-2023	159.395.385.213	15.163.555,24	10.511,74	1,16
156	10-08-2023	159.418.723.306	15.163.649,89	10.513,21	1,47
157	13-08-2023	159.558.436.005	15.163.649,89	10.522,42	9,21
158	14-08-2023	159.631.962.965	15.163.744,44	10.527,21	4,79
159	15-08-2023	159.638.254.006	15.163.840,46	10.527,56	0,35
160	16-08-2023	159.672.065.685	15.163.982,23	10.529,69	2,13
161	17-08-2023	159.708.354.574	15.164.360,20	10.531,82	2,13
162	20-08-2023	159.795.774.841	15.164.808,95	10.537,27	5,45
163	21-08-2023	159.825.778.498	15.164.808,95	10.539,25	1,98
164	22-08-2023	159.827.561.858	15.165.092,16	10.539,17	(0,08)
165	23-08-2023	159.700.130.512	15.164.900,08	10.530,90	(8,27)
166	24-08-2023	159.886.581.175	15.164.900,08	10.543,20	12,30
167	27-08-2023	159.917.220.263	15.165.088,82	10.545,08	1,88
168	28-08-2023	160.035.121.748	15.165.088,82	10.552,86	7,78
169	29-08-2023	160.119.723.000	15.165.296,25	10.558,29	5,43
170	30-08-2023	160.146.237.889	15.165.290,48	10.560,05	1,76
171	31-08-2023	160.108.721.693	15.165.240,48	10.557,61	(2,44)
172	04-09-2023	160.214.751.091	15.165.240,48	10.564,60	6,99
173	05-09-2023	160.208.411.549	15.165.240,48	10.564,18	(0,42)
174	06-09-2023	160.312.211.006	15.165.099,48	10.571,12	6,94
175	07-09-2023	160.298.193.078	15.165.099,48	10.570,20	(0,92)
176	10-09-2023	160.331.862.134	15.165.099,48	10.572,42	2,22
177	11-09-2023	160.488.527.205	15.165.099,48	10.582,75	10,33
178	12-09-2023	160.545.783.202	15.165.663,60	10.586,13	3,38
179	13-09-2023	160.575.171.779	15.165.663,60	10.588,07	1,94
180	14-09-2023	160.740.704.722	15.165.757,57	10.598,92	10,85
181	17-09-2023	160.664.939.040	15.165.851,44	10.593,86	(5,06)
182	18-09-2023	160.713.908.289	15.165.851,44	10.597,09	3,23
183	19-09-2023	160.694.161.285	15.165.945,33	10.595,72	(1,37)
184	20-09-2023	160.748.631.600	15.165.845,33	10.599,38	3,66
185	21-09-2023	160.755.542.010	15.165.845,33	10.599,84	0,46
186	24-09-2023	160.908.780.336	15.165.745,33	10.610,01	10,17
187	25-09-2023	160.994.130.266	15.166.683,12	10.614,98	4,97
188	26-09-2023	161.016.386.504	15.166.870,58	10.616,32	1,34
189	27-09-2023	161.056.172.709	15.166.870,58	10.618,94	2,62
190	28-09-2023	160.910.671.018	15.166.396,80	10.609,68	(9,26)
191	30-09-2023	161.081.058.551	15.166.396,80	10.620,91	11,23
192	01-10-2023	161.114.020.880	15.166.396,80	10.623,09	2,18
193	02-10-2023	161.132.250.371	15.166.396,80	10.624,29	1,20
194	03-10-2023	161.266.206.983	15.166.584,10	10.632,99	8,70
195	04-10-2023	161.315.771.085	15.167.332,70	10.635,73	2,74
196	05-10-2023	161.289.456.800	15.167.426,25	10.633,93	(1,80)
197	08-10-2023	161.423.180.343	15.167.613,37	10.642,62	8,69
198	09-10-2023	161.456.357.787	15.167.706,86	10.644,74	2,12
199	10-10-2023	161.470.522.789	15.167.800,33	10.645,61	0,87
200	11-10-2023	161.562.019.444	15.167.800,33	10.651,64	6,03

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND
201	12-10-2023	161.760.523.911	15.167.893,74	10.664,66	13,02
202	15-10-2023	161.890.948.846	15.166.834,45	10.674,01	9,35
203	16-10-2023	161.818.991.444	15.166.927,66	10.669,20	(4,81)
204	17-10-2023	161.788.736.730	15.166.910,67	10.667,21	(1,99)
205	18-10-2023	161.940.199.420	15.166.910,67	10.677,20	9,99
206	19-10-2023	161.983.740.585	15.166.910,67	10.680,07	2,87
207	22-10-2023	162.210.368.185	15.166.910,67	10.695,01	14,94
208	23-10-2023	162.255.133.094	15.167.096,73	10.697,83	2,82
209	24-10-2023	162.260.795.820	15.167.096,73	10.698,21	0,38
210	25-10-2023	162.233.994.025	15.167.096,73	10.696,44	(1,77)
211	26-10-2023	162.298.685.918	15.167.096,73	10.700,70	4,26
212	29-10-2023	162.321.183.734	15.167.096,73	10.702,19	1,49
213	30-10-2023	162.404.372.709	15.167.002,01	10.707,74	5,55
214	31-10-2023	162.473.412.641	15.167.002,01	10.712,29	4,55
215	01-11-2023	162.473.849.035	15.167.094,89	10.712,25	(0,04)
216	02-11-2023	162.476.894.167	15.167.094,89	10.712,45	0,20
217	05-11-2023	162.582.349.892	15.167.094,89	10.719,41	6,96
218	06-11-2023	162.587.017.724	15.167.094,89	10.719,72	0,31
219	07-11-2023	162.561.895.711	15.167.280,51	10.717,93	(1,79)
220	08-11-2023	162.723.136.843	15.167.280,51	10.728,56	10,63
221	09-11-2023	162.686.593.060	15.167.280,51	10.726,15	(2,41)
222	12-11-2023	162.750.039.747	15.167.373,27	10.730,27	4,12
223	13-11-2023	162.760.329.619	15.167.465,99	10.730,88	0,61
224	14-11-2023	162.787.879.001	15.166.990,67	10.733,03	2,15
225	15-11-2023	162.858.826.267	15.166.990,67	10.737,71	4,68
226	16-11-2023	162.846.681.470	15.166.990,67	10.736,91	(0,80)
227	19-11-2023	162.900.146.843	15.167.090,61	10.740,36	3,45
228	20-11-2023	162.939.981.729	15.167.646,45	10.742,60	2,24
229	21-11-2023	163.104.316.407	15.167.831,69	10.753,30	10,70
230	22-11-2023	162.985.484.927	15.167.831,69	10.745,47	(7,83)
231	23-11-2023	163.106.600.096	15.168.016,88	10.753,32	7,85
232	26-11-2023	163.214.548.326	15.168.016,88	10.760,44	7,12
233	27-11-2023	163.228.280.329	15.168.016,88	10.761,34	0,90
234	28-11-2023	163.146.165.486	15.168.201,80	10.755,80	(5,54)
235	29-11-2023	163.197.327.678	15.168.201,80	10.759,17	3,37
236	30-11-2023	163.178.728.661	15.168.201,80	10.757,94	(1,23)
237	03-12-2023	163.209.755.508	15.168.201,80	10.759,99	2,05
238	04-12-2023	163.293.662.896	15.168.201,80	10.765,52	5,53
239	05-12-2023	163.303.741.423	15.168.590,15	10.765,91	0,39
240	06-12-2023	163.258.836.282	15.168.774,79	10.762,82	(3,09)
241	07-12-2023	163.330.768.297	15.168.774,79	10.767,56	4,74
242	10-12-2023	163.427.232.879	15.168.681,91	10.773,99	6,43
243	11-12-2023	163.480.774.831	15.168.681,91	10.777,52	3,53
244	12-12-2023	163.572.063.691	15.172.928,70	10.780,52	3,00
245	13-12-2023	163.697.181.344	15.173.020,99	10.788,70	8,18
246	14-12-2023	163.654.127.979	15.173.020,99	10.785,86	(2,84)
247	17-12-2023	163.792.092.267	15.173.020,99	10.794,95	9,09
248	18-12-2023	163.906.770.277	15.173.113,16	10.802,44	7,49
249	19-12-2023	163.847.137.373	15.173.573,70	10.798,19	(4,25)
250	20-12-2023	163.886.457.330	15.173.573,70	10.800,78	2,59

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/ đơn vị quỹ VND
251	21-12-2023	163.909.022.375	15.173.573,70	10.802,26	1,48
252	24-12-2023	163.983.999.678	15.173.573,70	10.807,21	4,95
253	25-12-2023	164.042.712.357	15.175.230,91	10.809,89	2,68
254	26-12-2023	164.066.261.294	15.175.230,91	10.811,45	1,56
255	27-12-2023	164.162.809.737	15.175.783,10	10.817,41	5,96
256	28-12-2023	164.204.570.142	15.175.783,10	10.820,17	2,76
257	31-12-2023	164.329.780.895	15.175.967,08	10.828,29	8,12

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 158.320.040.122

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất 18,30

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất 0,01

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Chi tiết theo thời gian số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	<i>Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)</i>
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành đến 1 năm	77.418,36	120.262,20
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành trên 1 năm	6.146.891,42	15.055.704,88
	6.224.309,78	15.175.967,08

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỜ

	<i>Năm nay (%)</i>	<i>Năm trước (%)</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,59	1,56
Tốc độ vòng quay danh mục	43,23	30,79

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 68.727.220.373 VND. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 6.872.722.037 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá thị trường của các trái phiếu này tăng 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng tương đương là 6.872.722.037 đồng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

21.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	1.597.401.026	1.597.401.026	12.003.453.457	12.003.453.457
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	1.597.401.026	1.597.401.026	12.003.453.457	12.003.453.457
Các khoản đầu tư	68.727.220.373	68.727.220.373	147.536.336.723	147.536.336.723
- Trái phiếu	68.727.220.373	68.727.220.373	107.836.336.723	107.836.336.723
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	-	-	39.700.000.000	39.700.000.000
Các khoản phải thu	1.346.262.384	1.346.262.384	5.072.135.952	5.072.135.952
	71.670.883.783	71.670.883.783	164.611.926.132	164.611.926.132
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối, Công ty Quản lý				
Quỹ về mua bán CCQ	316.943	316.943	469.182	469.182
Chi phí phải trả	89.300.000	89.300.000	89.300.000	89.300.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	10.000.187	10.000.187	187	187
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	126.485.020	126.485.020	191.473.871	191.473.871
	226.102.150	226.102.150	281.243.240	281.243.240

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các đại lý phân phối và công ty quản lý Quỹ về mua bán chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
 (hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	Phí dịch vụ quản lý quỹ mở	1.559.805.380	1.582.617.395
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao	108.000.000	108.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập từ lãi tiền gửi	899.848.693	1.775.229.945
		Thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi	-	588.493.135

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	74.085.020	139.073.871
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Phải trả thù lao	24.300.000	24.300.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Tiền gửi có kỳ hạn	-	29.700.000.000
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	1.565.046.650

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC
(tiếp theo)

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) *Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ*

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	2.307.493,50	37,07	2.491.315,10	16,42
Bên liên quan khác		3.959,92	0,07	4.473,29	0,03
		2.311.453,42	37,14	2.495.788,39	16,45

23.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 7.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và phí dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 100.000 đồng/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 đồng/ngày giao dịch và công thức tính là 0,01% giá trị giao dịch. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/giao dịch.

Chi tiết phí dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.311.799	747.377.912
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	198.000.000	198.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	180.000.000	180.000.000
Phí dịch vụ giám sát	92.400.000	92.400.000
Phí ngân hàng	440.000	3.103.868
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	13.084.145	8.875.203

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH
(hiện nay là Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC
(tiếp theo)

23.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán	1.587.400.644	12.003.452.536
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua CCQ	10.000.351	916
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động bán CCQ	31	5
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả dịch vụ giám sát	7.700.000	7.700.000

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 20 tháng 2 năm 2025, Quỹ nhận được Giấy chứng nhận về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được đổi tên thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bản Việt và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Người lập:
Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ



Người kiểm soát:
Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:
Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc